

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 9
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: **123/2025/QĐST-LĐ**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Tấn Đức;

2. Bà Võ Kim Hương.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án lao động thụ lý số 138/2025/TLST-LĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp về tiền lương và bảo hiểm xã hội”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề trong vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thành Thị Mộng T, sinh năm 1978; Địa chỉ: 1 T, phường T, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1978; Địa chỉ: A V, Phường C, quận B (nay là phường G), Thành phố Hồ Chí Minh (*Văn bản ủy quyền số 00003415, quyền số 03/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/3/2025*).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH S; Trụ sở: Lô I, nhóm Công nghiệp III, khu Công nghiệp T, đường số A (CN13), phường T, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của công ty là: Ông Nguyễn Đặng M hoặc bà Lê Hà M1 hoặc bà Phan Thu H hoặc ông Nguyễn Hồng Khánh T2; Cùng địa chỉ liên lạc: A T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (*Văn bản uỷ quyền số 138/LĐ/2025/POA-VT ngày 02/6/2025*).

Người đại diện theo uỷ quyền của công ty là: Bà Trần Thị Thu T3, sinh năm 1984; địa chỉ liên lạc: Lô I, nhóm Công nghiệp III, khu Công nghiệp T, đường số A (CN13), phường T, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh (*Văn bản uỷ quyền số 0001-08/2025/POA-VT ngày 15/9/2025*).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tiền lương:

- Ông Dương Văn T1 là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (bà Thành Thị Mộng T) và bà Trần Thị Thu T3 là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn (Công ty TNHH S) (sau đây gọi tắt là Công ty) cùng thống nhất:

Bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền lương của tháng 12 và tháng 01/2025 là 16.982.205 (mười sáu triệu chín trăm tám mươi hai nghìn hai trăm lẻ năm) đồng. Cam kết thanh toán thành 03 (ba) đợt, cụ thể như sau:

+ Đợt 1: Chậm nhất là ngày 25/9/2025, Công ty thanh toán cho bà T 35% số tiền nêu trên tương ứng với số tiền là 5.943.772 (năm triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi hai) đồng;

+ Đợt 2: Chậm nhất là ngày 30/10/2025, Công ty thanh toán cho bà Đ 35% số tiền nêu trên tương ứng với số tiền là 5.943.772 (năm triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi hai) đồng;

+ Đợt 3: Chậm nhất là ngày 30/11/2025, Công ty thanh toán dứt điểm 30% số tiền nợ còn lại cho bà Đ tương ứng với số tiền là 5.094.661 (năm triệu không trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi một) đồng.

2.2. Về các khoản Bảo hiểm xã hội:

Công ty TNHH S có trách nhiệm đóng các khoản Bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật cho bà Thành Thị Mộng T, sinh năm 1986; mã số BHXH: 0207176451, số CCCD: 0581860003818 chậm nhất đến hết ngày 28/02/2026.

Bà Thành Thị Mộng T có trách nhiệm đóng các khoản Bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật.

Mức đóng và số tiền Bảo hiểm xã hội phải đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.3. Về trách nhiệm thi hành: Kể từ ngày bên có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2.4. Về án phí lao động sơ thẩm:

Số tiền 809.466 (tám trăm lẻ chín nghìn bốn trăm sáu mươi sáu) đồng. Hai bên thỏa thuận mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ án phí lao động sơ thẩm, cụ thể:

- Bà Thành Thị Mộng T phải chịu án phí lao động sơ thẩm số tiền là 404.733 (bốn trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm ba mươi ba) đồng. Tuy nhiên, bà T thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà T không phải nộp án phí.

- Công ty TNHH S chịu án phí số tiền 404.733 (bốn trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm ba mươi ba) đồng.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP . HCM;
- Thi hành án dân sự TPHCM;
- VKSND KV9 - TPHCM;
- Bảo hiểm xã hội TPHCM;
- Phòng THADSKV9 - TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ (An Thành)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kiều Oanh